

Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức								Cộng
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng ở mức độ cao hơn		
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Chủ đề 1. Oxi- không khí	- Nhận ra biện pháp dập tắt sự cháy - Nhận ra phần trăm thể tích các khí trong không khí. - Nhận ra tên gọi của oxit - Nhận ra được tính chất hóa học của oxi. - Nhận biết khí oxi		- Viết PTHH minh họa tính chất hóa học của oxi.						
Số câu hỏi	5 (1,2,3,4,5)		(8b)						
Số điểm Tỉ lệ %	2,5 25%		0,5 5%						3,0 điểm 30%
Chủ đề 2. Hidro- Nước			- Phân biệt được các axit, bazơ, muối.		Cho khối lượng chất tham gia, dựa vào PTHH tìm các đại lượng còn lại		Dựa vào PTHH tính toán để xác định chất dư.		
Số câu hỏi			(8a)		1(10a, b)		1(10c)		
Số điểm Tỉ lệ %			1,0 10%		2,0 20%		1,0 10%		4,0 điểm 40%
Chủ đề 3. Dung dịch	- Nhận biết khái niệm dung dịch bão hòa và biết được các thành phần trong dung dịch. - Biết độ tan là gì?		Tính nồng độ phần trăm và nồng độ mol từ các đại lượng đã cho.						
Số câu hỏi	1 (6) 1 (7)		(9)						
Số điểm Tỉ lệ %	0,5 1,0 5% 10%		1,5 15%						3,0 điểm 30%
Tổng số câu	7 câu		2 câu		2/3 câu		1/3 câu		10 câu

Tổng số điểm Tỷ lệ %	4,0đ 40%	3,0đ 30%	2,0đ 20 %	1,0đ (10%)	10đ (100%)
---------------------------------------	---------------------------	---------------------------	----------------------------	-----------------------------	-----------------------------

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN LONG ĐIỀN

ĐỀ THI HỌC KỲ II. NĂM HỌC: 2022 - 2023

MÔN : Hóa Học 8

ĐỀ THAM KHẢO

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

A-Trắc nghiệm. (3,0 điểm) Chọn câu trả lời đúng

Câu 1: Để dập tắt đám cháy do xăng, dầu người ta **không** nên dùng:

- A. khí CO₂.
B. nước.
C. phủ cát trên ngọn lửa.
D. khí CO₂ hoặc phủ cát trên ngọn lửa.

Câu 2: Thành phần theo thể tích của không khí là

- A. 21% khí nitơ, 78% khí oxi, 1% khí cacbonic.
B. 21% khí oxi, 78% khí nitơ, 1% các khí khác.
C. 21% khí hiđro, 78% khí oxi, 1% các khí khác.
D. 21% khí cacbonic, 78% khí nitơ, 1% các khí khác

Câu 3: : Oxi có thể tác dụng với:

- A. phi kim, kim loại.
B. kim loại, hợp chất.
C. phi kim và hợp chất.
D. phi kim, kim loại và hợp chất.

Câu 4: Nhận biết khí oxi, người ta dùng:

- A. que đóm còn tàn đỏ.
B. que đóm.
C. nước.
D. nước vôi trong.

Câu 5: Cho công thức Na₂O, tên gọi của oxit trên là:

- A. natri oxit.
B. canxi oxit.
C. bari oxit.
D. di natri oxit.

Câu 6: Độ tan của một chất trong nước là số gam chất đó tan được trong:

- A. 100 g nước để tạo thành dung dịch bão hòa ở nhiệt độ xác định.
B. 200 g nước để tạo thành dung dịch bão hòa ở nhiệt độ xác định.
C. 300 g nước để tạo thành dung dịch bão hòa ở nhiệt độ xác định.
D. 400 g nước để tạo thành dung dịch bão hòa ở nhiệt độ xác định.

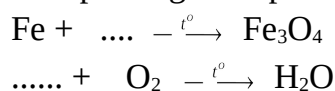
B- TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 7: (1,0 đ)

- a) Em hãy nêu khái niệm dung dịch bão hòa và dung dịch chưa bão hòa.
b) Trộn 1ml rượu etylic (cồn) với 10ml nước cất. Em hãy chỉ ra đâu là chất tan, đâu là dung môi?

Câu 8: (1,5 đ)

- a) Cho các chất sau, đâu là hợp chất axit, bazơ, muối: H₂SO₄ ; MgCO₃ ; NaOH; KHCO₃
b) Hoàn thành phương trình phản ứng sau:



Câu 9: (1,5 đ)

- a) Tính nồng độ phần trăm của 8 gam NaCl trong 50 gam dung dịch.
b) Tính nồng độ mol của 0,75 mol Ba(OH)₂ trong 250 ml dung dịch.

Câu 10: (3,0 đ) Cho 9,2 gam natri vào nước dư, thu được natri hiđroxit (NaOH) và khí hiđro.

- a) Viết phương trình hóa học của phản ứng xảy ra?
b) Tính thể tích khí hiđro thu được (đktc)?

c) Dẫn toàn bộ khí sinh ra cho đi qua 0,35 mol CuO đun nóng, chất nào còn dư sau phản ứng hidro khử CuO và dư bao nhiêu mol ?

(Biết Na = 23; H = 1; O = 16)

Hết

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN LONG ĐIỀN

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HK II

MÔN: HÓA HỌC - LỚP 8

Năm học: 2022 – 2023

A. Trắc nghiệm: (3,0đ).

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	B	D	A	A	A
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

B- Tự luận: (7,0đ)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 7: (1,0 điểm)	a) Ở nhiệt độ xác định: - Dung dịch bão hòa là dung dịch không thể hòa tan thêm chất tan. - Dung dịch chưa bão hòa là dung dịch còn có thể hòa tan thêm chất tan b) Theo đề bài cho V rượu etylic (1ml) ít hơn V nước (10ml) nên chất tan là rượu, dung môi là nước.	0, 5 điểm 0, 5 điểm
Câu 8: (1,5 điểm)	a) - Axit: H_2SO_4 . - Bazơ: NaOH - Muối: $MgCO_3$; $KHCO_3$ b) $3Fe + 2O_2 \xrightarrow{t^o} Fe_3O_4$ $2H_2 + O_2 \xrightarrow{t^o} 2H_2O$	0,25 điểm 0,25 điểm 0,5 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
Câu 9: (1,5 điểm)	a) $C\% = \frac{8}{50} \cdot 100\% = 16\%$ b) $C_M = \frac{n}{V} = \frac{0,75}{0,25} = 3(M)$	0,75 điểm 0, 75 điểm
Câu 10: (3,0 điểm)	a) $2Na + 2H_2O \rightarrow 2NaOH + H_2 \uparrow$ b) Số mol Na là: $n_{Na} = \frac{m_{Na}}{M_{Na}} = \frac{9,2}{23} = 0,4(mol)$ - Theo PTHH: $n_{H_2} = \frac{1}{2} \cdot n_{Na} = \frac{1}{2} \cdot 0,4 = 0,2 (mol)$ - Thể tích H_2 (đktc) : $V_{H_2} = n_{H_2} \cdot 22,4 = 0,2 \cdot 22,4 = 4,48 (lít)$ c) $H_2 + CuO \xrightarrow{t^o} Cu + H_2O$	0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm

	* Xét tỉ lệ: $\frac{n_{H_2(db)}}{n_{H_2(pt)}} \cdot \frac{n_{CuO(db)}}{n_{CuO(pt)}} \Leftrightarrow \frac{0,2}{1} < \frac{0,35}{1} ;$ Vậy H₂ phản ứng hết, CuO còn dư sau phản ứng. - Theo PTHH: $n_{CuO(pt)} = n_{H_2} = 0,2(mol)$ $n_{CuO(du)} = n_{CuO(db)} - n_{CuO(pt)} = 0,35 - 0,2 = 0,15(mol)$	0,25 điểm
		0,25 điểm
		0,25 điểm
		0,25 điểm